TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THUẬN
TỈNH KIÊN GIANG

Bản án số: 07/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 02-5-2018
Về việc ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Quách Thị Thu Hương.

2. Ông Danh Thi.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Quảng Thị Kiều Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa***: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 161/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2017 về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/3/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2018/QĐST-HNGĐ ngày 11/4/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị H, sinh năm 1977;

2. Bị đơn: Anh T, sinh năm 1978;

Cùng địa chỉ: ấp N, xã M, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

(Chị H có mặt, anh T vắng mặt lần hai không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 04/12/2017 nguyên đơn chị H trình bày: Chị Hvà anh T kết hôn năm 2005, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã N. Nhưng anh chị sống không hạnh phúc, mâu thuẫn xảy ra nhiều lần được chính quyền địa phương hàn gắn; lý do mâu thuẫn là do anh T không lo làm ăn, sinh tật cờ bạc, gây khó khăn trong công việc làm ăn của chị H.

Tại phiên tòa chị H trình bày: Năm 2005 chị và anh T cưới nhau nhưng không nhớ có đi đăng ký kết hôn hay không. Sau khi cưới nhau anh chị thường xảy ra mâu

thuẫn. Năm 2016 chị có nộp đơn xin ly hôn để chính quyền địa phương giải quyết, anh T có cam kết sửa chữa khuyết điểm nhưng vẫn không thực hiện. Nay xin được ly hôn, anh chị không có con chung, không tài sản và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn là anh T vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.

* *Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị H thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình và chấp hành nội quy phiên tòa. Bị đơn anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng đều vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Theo đơn khởi kiện chị H trình bày kết hôn năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã N. Nhưng Ủy ban nhân dân xã N xác nhận chị H và anh T không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N nên đề nghị không công nhận chị H và anh T là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai để tham gia phiên tòa nhưng anh T đều vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh T.

[2] Chị H xin ly hôn với anh T được chính quyền địa phương hòa giải có mặt anh T và anh T có cam kết sửa chữa khuyết điểm; khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho anh T bằng biện pháp niêm yết công khai tại nhà và trụ sở ấp, xã nơi anh T cư trú, tết Nguyên Đán năm 2018 anh T có về nhà và biết rõ việc chị H xin ly hôn nhưng không có văn bản trình bày ý kiến nên Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tại đơn khởi kiện ngày 04/12/2017, chị H trình bày chị và anh T kết hôn năm 2005 và đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã N nhưng chị H không cung cấp được tài liệu gì chứng minh chị và anh T có đăng ký kết hôn. Ngày 21/3/2018, Ủy ban nhân dân xã N xác nhận chị H và anh T không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N. Tại phiên tòa chị H không xác định được có đăng ký kết hôn hay không; anh T cố tình vắng mặt nên không có ý kiến về việc có kết hôn với chị H hay không. Do đó xác định chị H và anh T không có đăng ký kết hôn.

Năm 2005, chị H và anh T cưới nhau nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

"1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.

2. Vợ chồng đã ly hôn muốn xác lập lại quan hệ vợ chồng thì phải đăng ký kết hôn".

Như vậy pháp luật không công nhận là vợ chồng giữa chị H và anh T. Chị H và anh T không đăng ký kết hôn nhưng có yêu cầu ly hôn nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng đối với chị H và anh T. Theo đó, giữa chị H và anh T không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị H khai anh chị không có con chung nên không yêu cầu giải quyết về con.

[4] Về tài sản và nợ chung: Chị H khai không có, anh T không có ý kiến gì nên không đặt ra xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản và nợ sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Án phí sơ thẩm: Chị H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 147, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, 14, 53, 57của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận là vợ chồng giữa chị H và anh T.

2. Án phí sơ thẩm: Chị H chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005469 ngày 14/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

3. Chị H có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh T vắng mặt phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Trường Hận